

Bản án số: 172/2024/HS-PT

Ngày 24 - 4 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Phương;

Bà Hoàng Thị Thu Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2024/TLPT-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo **Thạch Thị Kim H** và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 230/2023/HS-ST ngày 28-11-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc;

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Thạch Thị Kim H**, sinh năm 1986 tại Ninh Thuận; Căn cước công dân số: 0581860065XX; nơi đăng ký thường trú: **Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Đắk Lắk**; nơi cư trú: **Ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai**; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Chăm; tôn giáo: Bà-la-môn; con ông **Thạch Ngọc T** và bà **Hán Thị C**; có chồng tên **Đàng Quang O** và có 04 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt quả tang ngày 05-8-2023 đến ngày 06-8-2023 được trả tự do; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 99/2024/LCĐKNCT ngày 28-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1979 tại Bình Dương; Căn cước công dân số: 0741790096XX; nơi đăng ký thường trú: **Thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**; nơi cư trú: **Khu phố F, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai**; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông **Nguyễn Ngọc L** (đã chết) và bà **Nguyễn Thúy H1** (đã chết); có chồng tên **Phạm Văn T1** và có 04 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt quả tang ngày 05-8-2023, tạm giữ từ ngày 06-8-2023 đến ngày 09-8-2023 được trả tự do; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 100/2024/LCĐKNCT ngày 28-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

3. Từ **Ái C1**, sinh năm 1985 tại Ninh Thuận; Căn cước công dân số: 0580850077XX; nơi đăng ký thường trú: **Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận**; nơi cư trú: **Khu phố F, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai**; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Chăm; tôn giáo: Bà **N**; con ông **Từ T2** và bà **La Thị C2**; không có vợ; có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt quả tang ngày 05-8-2023, tạm giữ từ ngày 06-8-2023 đến ngày 09-8-2023 được trả tự do; ngày 16-3-2024, bị cáo đầu thú trong vụ án khác, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an huyện X** tạm giữ, tạm giam cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

4. **Thạch Thị Kim T3**, sinh năm 1986 tại Ninh Thuận; Căn cước công dân số: 0581860018XX; nơi đăng ký thường trú: **Thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận**; nơi cư trú: **Ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai**; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Chăm; tôn giáo: Bà-la-môn; con ông **Thạch Ngọc T** và bà **Hán Thị C**; có chồng tên **Đổng Văn N1** (đã ly hôn) và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt quả tang ngày 05-8-2023, tạm giữ từ ngày 06-8-2023 đến ngày 09-8-2023 được trả tự do; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 91/2024/LCĐKNCT ngày 28-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

5. **Võ Tấn T4**, sinh năm 1968 tại Quảng Ngãi; Căn cước công dân số: 0510680148XX; nơi đăng ký thường trú: **Thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng**; nơi cư trú: **Khu phố H, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai**; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; con **Võ Tấn T5** (đã chết) và bà **Phan Thị N2** (đã chết); có vợ tên **Lưu Thị Ánh M1** (đã ly hôn) và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt quả tang ngày 05-8-2023, tạm giữ từ ngày

06-8-2023 đến ngày 09-8-2023 được trả tự do; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 92/2024/LCĐKNCT ngày 28-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

6. Fóng Quay P, sinh năm 1993 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 0751930014XX; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ 2, Ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Phật giáo; con ông Fóng Hồi L1 và bà Trần Sám H2; có chồng tên Lê Văn D và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt quả tang ngày 05-8-2023, tạm giữ từ ngày 06-8-2023 đến ngày 09-8-2023 được trả tự do; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 93/2024/LCĐKNCT ngày 28-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

7. Lưu Thị Thu V, sinh năm 1999 tại Ninh Thuận; Căn cước công dân số: 0581990068XX; nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nơi cư trú: Ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Chăm; tôn giáo: Bà-la-môn; con ông Lưu K và bà Hán Thị C; không có chồng; có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt quả tang ngày 05-8-2023, tạm giữ từ ngày 06-8-2023 đến ngày 09-8-2023 được trả tự do; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 94/2024/LCĐKNCT ngày 28-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

8. Dương Thị Ngọc H3, sinh năm 1990 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 0751900170XX; nơi đăng ký thường trú: Ấp G, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Dương Minh Đ và bà Nguyễn Thị C3; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt quả tang ngày 05-8-2023, tạm giữ từ ngày 06-8-2023 đến ngày 09-8-2023 được trả tự do; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 95/2024/LCĐKNCT ngày 28-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

9. Trương Ngọc H4, sinh năm 1997 tại Bình Thuận; Căn cước công dân số: 0600970113XX; nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Khu phố F, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trương Ngọc Q và bà Đỗ Thị

Bích T6; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt quả tang ngày 05-8-2023, tạm giữ từ ngày 06-8-2023 đến ngày 09-8-2023 được trả tự do; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 96/2024/LCĐKNCT ngày 28-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

10. **Ngân Thanh T7**, sinh năm 1988 tại Ninh Thuận; Căn cước công dân số: 0580880048XX; nơi đăng ký thường trú: **Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận**; nơi cư trú: **Ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai**; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Chăm; tôn giáo: Bà **N**; con ông **Ngân Thanh N3** và bà **Kiều Thị B**; có vợ tên **Kiều Thị K1** và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt quả tang ngày 05-8-2023, tạm giữ từ ngày 06-8-2023 đến ngày 09-8-2023 được trả tự do; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 97/2024/LCĐKNCT ngày 28-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

11. **Trần Văn C4**, sinh năm 1989 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 0750890191XX; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: **Tổ F, ấp G, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai**; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông **Trần Văn K2** và bà **Nguyễn Thị P1**; có vợ tên **Nguyễn Thị Thu V1** và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt quả tang ngày 05-8-2023, tạm giữ từ ngày 06-8-2023 đến ngày 09-8-2023 được trả tự do; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 98/2024/LCĐKNCT ngày 28-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Vào lúc 22 giờ 15 phút ngày 05/8/2023, **Công an huyện X** phối hợp với **Công an xã X**, phát hiện, bắt quả tang tại phòng trọ **Số B** do **Nguyễn Hữu T8** làm chủ (thuộc **Ấp F, xã X, huyện X**) các đối tượng: **Thạch Thị Kim H, Nguyễn Ngọc M, Từ Á, Thạch Thị Kim T3, Võ Tấn T4, Fóng Quay P2, Lưu Thị Thu V, Dương Thị Ngọc H3, Trương Ngọc H4, Ngân Thanh T7** và **Trần Văn C4** đang

thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức xì zách, thắng thua bằng tiền.

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 05/8/2023, **Thạch Thị Kim H**, **Nguyễn Ngọc M**, **Từ Á** và **Thạch Thị Kim T3**, đang ngồi chơi tại đây phòng trọ của ông **Nguyễn Hữu T8** thì **H** nảy sinh ý định rủ các bị cáo đánh bạc bằng hình thức tiến lên, để thắng thua bằng tiền. Các bị cáo đồng ý nên **H** đi mua 02 (hai) bộ bài tây loại 52 (năm mươi hai) lá để sử dụng đánh bạc; đồng thời, thấy phòng trọ **Số B** của anh **Ngô Ngọc Á** thuê đi vắng, cửa phòng mở, nên các đối tượng đã tự ý vào phòng Số 26, để đánh bạc. Trong lúc các bị cáo đang chuẩn bị đánh bạc thì có thêm một số người khác đến chơi (**Fóng Q**, **Võ Tấn T4**, **Lưu Thị Thu V**, **Dương Thị Ngọc H3**, **Trương Ngọc H4**, **Ngân T** và **Trần Văn C4**) nên các bị cáo chuyển hình thức đánh bạc từ tiến lên sang xì zách. Các bị cáo quy định mỗi ván đặt cược số tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Một người làm cái 03 ván thì xoay vòng. Người làm cái có thể hạ mức cược cao nhất xuống còn 100.000 đồng; nếu ai không làm cái thì làm tay con hoặc đặt ké tụ của người khác. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày thì bị phát hiện quả tang.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận như sau:

1/ **Thạch Thị Kim H**: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 05/8/2023, sau khi **H** cùng **Thạch Thị Kim T3**, **Ngân T**, **Lưu Thị Thu V** và **Dương Thị Ngọc H3** đi nhận về, thì **H** nảy sinh ý định đánh bạc thắng thua bằng tiền. **H** đã rủ **Từ Á C5**, **Nguyễn Ngọc M**, **Thạch Thị Kim T3** và **Trương Ngọc H4** tham gia đánh bạc với hình thức “tiến lên”. Thấy các bị cáo **C5**, **M**, **T3** và **H4** đồng ý, nên **H** đi mua 02 bộ bài tây 52 lá về sử dụng để đánh bạc. Khi **H** quay về, ngoài các bị cáo mà **H** đã rủ, thì còn có các bị cáo khác đã vào phòng Số 26 để đánh bạc. Do số lượng người nhiều nên các bị cáo chuyển hình thức đánh bạc từ tiến lên (4 người chơi) sang hình thức xì zách (nhiều người chơi). Tại đây, các bị cáo khác (không rõ bị cáo nào) đã trải tấm ny-lon làm chiếu bạc, chuẩn bị sẵn đĩa nhựa và lấy 01 bộ bài có sẵn trong phòng Số 26 để phục vụ đánh bạc. **H** sử dụng số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc, tham gia làm cái 03 ván. Khi bị bắt, **H** bị thu giữ là 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

2/ **Nguyễn Ngọc M**: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 05/8/2023, khi được **H** rủ đánh bạc thì **M** đồng ý. **M** đã rủ **Võ Tấn T4** tham gia đánh bạc. **M** hùn tiền với **Võ Tấn T4**, vừa tham gia đánh bạc với vai trò tay con vừa tham gia làm cái được 03 ván. Tổng số tiền **M** dùng để đánh bạc là 500.000 đồng (năm trăm

ng nghìn đồng) để đánh bạc và hùn hạp với T4, để làm cái được 03 ván. Khi bị bắt, M bị thu giữ số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Từ Ái Chinh: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 05/8/2023, khi được H rủ tham gia đánh bạc thì C5 đồng ý. C5 sử dụng số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) để đánh bạc và tham gia làm cái 03 ván. Khi bị phát hiện, C5 bị thu giữ số tiền là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

4/ Thạch Thị Kim T3: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 05/8/2023, H rủ T3 đánh bạc thì T3 đồng ý. T3 chỉ tham gia đánh bạc với tư cách tay con, không tham gia làm cái. T3 sử dụng số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc và tham gia làm cái. Khi bị phát hiện bắt quả tang, T3 bị thu giữ số tiền 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng).

5/ Võ Tấn T4: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05/8/2023, M rủ T4 tham gia đánh bạc thì T4 đồng ý. Thấy điểm đánh bạc đông người, nên T4 đã hùn vốn với M, để tham gia đánh bạc. T4 sử dụng số tiền 3.950.000 đồng (ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) để đánh bạc và tham gia làm cái với M 03 ván. Khi bị phát hiện bắt quả tang, T4 bị thu giữ số tiền 3.450.000 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

6/ Fóng Quay Phùng: Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 05/8/2023, P2 đến phòng trọ Số B để chơi thì thấy H, C5, M và T3 đang tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì zách thắng thua bằng tiền, nên P2 vào tham gia đánh bạc và đặt cược 01 tụ bài riêng, P2 không tham gia làm cái mà chỉ đặt cược tụ bài của mình với số tiền mỗi ván là 50.000 đồng. Phùng sử dụng số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, P2 bị thu giữ số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

7/ Lưu Thị Thu V: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05/8/2023, V đến phòng trọ Số B để chơi và xem H, C5, M, T3, P2, H4, T4 và T7 đang đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì zách thắng thua bằng tiền. Lúc này, V đem theo và sử dụng số tiền 100.000 đồng để tham gia đặt cược. V đặt cược ké vào tụ bài của T7 02 ván, mỗi ván với số tiền 50.000 đồng, kết quả thua hết nên ngồi xem cho đến khi bị bắt quả tang.

8/ Dương Thị Ngọc H3: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05/8/2023, H3 đến phòng trọ Số B để chơi thì thấy H, C5, M, T4, T3, P2 và H4 đang đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì zách thắng thua bằng tiền thì H3 cùng tham gia đánh bạc và đặt cược 01 tụ bài riêng với số tiền mỗi ván 50.000 đồng, H3 không tham gia làm cái. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, C4 đến nên H3 có rủ C4 tham gia

đánh bạc thì C4 đồng ý. H3 và C4 hùn vốn tham gia đánh bạc, khi nào nghỉ thì chia đôi số tiền thắng thua. H3 bỏ ra trước số tiền 50.000 đồng để C4 tham gia đặt cược. Khi bị bắt quả tang H3 đang thua số tiền 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng).

9/ Trương Ngọc H4: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 05/8/2023, H rủ H4 tham gia đánh bạc. Do bận công việc nên vào lúc 21 giờ 30 phút cùng ngày, H4 mới đến. Lúc này, H4 thấy H, C5, M, T3, P2 và H3 đang đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì zách thắng thua bằng tiền. H4 cùng tham gia đánh bạc, không tham gia làm cái và đặt cược 01 tụ bài riêng. H4 sử dụng số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, H4 bị thu giữ số tiền 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

10/ Ngân Thanh T7: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 05/8/2023, T7 đi công việc thì thấy tại phòng trọ Số B đang tổ chức đánh bạc nên vào xem thì thấy H, C5, M, T3, P2, T4, H4, H3 và V đang đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì zách thắng thua bằng tiền; T7 cùng tham gia đánh bạc và làm cái khi đến lượt. Toán sử dụng số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) để đánh bạc và tham gia làm cái. Khi đang làm cái được 02 ván thì bị bắt quả tang, T7 bị thu giữ số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

11/ Trần Văn C4: Khoảng 22 giờ 10 phút ngày 05/8/2023, C4 đến phòng trọ Số B để chơi thì thấy H, C5, M, T3, P2, T4, H4, H3, V và T7 đang đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì zách thắng thua bằng tiền. Lúc này, H3 rủ C4 tham gia đánh bạc thì C4 đồng ý. H3 và C4 thống nhất hùn tiền với nhau để đánh bạc; khi nghỉ thì thắng thua chia đôi. H3 đặt cược trước 50.000 đồng và nhường lại tụ bài để C4 trực tiếp đánh bạc. C4 đặt cược mỗi ván với số tiền 50.000 đồng. Khi bị phát hiện bắt quả tang C4 đang huê vốn. C4 đến tham gia đánh bạc có đem theo số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) nhưng do số tiền H3 đặt cược trước đó chưa thua nên C4 chưa lấy tiền của C4 ra để sử dụng đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, C4 bị thu giữ tổng số tiền là 1.050.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Vật chứng:

- T3 tại chiếu bạc: 01 đĩa nhựa; 03 bộ bài tây; 01 tấm ni-lon.

- Số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) thu giữ trên chiếu bạc và trên người các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cụ thể: 400.000 đồng của N4 Thanh Toán, 100.000 đồng tại vị trí Từ Ái C5 ngồi và số tiền 650.000 đồng trên người, 50.000 đồng tại vị trí Trần Văn C4 ngồi và 1.000.000 đồng trên người, 50.000

đồng tại vị trí **Thạch Thị Kim H** ngồi và 2.500.000 đồng trên người, 100.000 đồng tại vị trí **Võ Tấn T4** ngồi và 3.350.000 đồng trên người, 250.000 đồng tại vị trí **Trương Ngọc H4** ngồi và 2.000.000 đồng trên người, 250.000 đồng tại vị trí **Nguyễn Ngọc M** ngồi và 300.000 đồng trên người, 200.000 đồng tại vị trí **Fóng Q1** Phùng ngồi và 700.000 đồng trên người, 100.000 đồng tại vị trí **Thạch Thị Kim T3** ngồi và 1.000.000 đồng trên người.

- 01 số tài sản khác đã giao trả cho chủ sở hữu.

3. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 230/2023/HS-ST ngày 28-11-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, đã quyết định tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; xử phạt như sau:

- **Thạch Thị Kim H** 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù.
- **Nguyễn Ngọc M** và **Võ Tấn T4**: 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù.
- **Từ Ái C5** và **Ngân Thanh T7**: 01 (một) năm tù.
- **Dương Thị Ngọc H3** và **Trần Văn C4**: 10 (mười) tháng tù.
- **Trương Ngọc H4** và **Thạch Thị Kim T3**: 09 (chín) tháng tù.
- **Fóng Quay Phùng** 08 (tám) tháng tù.
- **Lưu Thị Thu V** 06 (sáu) tháng tù.
- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

5. Kháng cáo:

Trong thời hạn luật định, các bị cáo kháng cáo, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

6. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật bản án sơ thẩm đã nêu là có căn cứ, đúng người, đúng tội và hình phạt là phù hợp; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa, bị cáo **Thạch Thị Kim T3** có đơn xin hoãn phiên tòa vì tinh thần không ổn định; bị cáo **Lưu Thị Thu V** có đơn xin hoãn phiên tòa vì bệnh; tuy nhiên, phiếu khám bệnh ngày 23-4-2024, thể hiện bị cáo **V** bị viêm họng - xoang, không thuộc trường hợp nặng phải nhập viện. Lý do các bị cáo xin hoãn phiên tòa là không chính đáng. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh:

Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về kháng cáo:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo: **H, M, T3, V, H3, P2** là nữ. Bị cáo **H** đang phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Các bị cáo **H, C5, T3, V** và **T7** là người dân tộc thiểu số. Các bị cáo **H, T3, P2, T7** trình độ học vấn thấp. Các bị cáo **M, C5** và **T4** không biết chữ nên ít nhiều nhận thức về pháp luật có phần bị hạn chế. Áp dụng điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm, kèm theo đơn kháng cáo, các bị cáo **Thạch Thị Kim H, Từ Ái C5, Nguyễn Thị Ngọc M2, Trương Ngọc H4, Fóng Quay P, Lưu Thị Thu V, Ngân T, Võ Tấn T4, Thạch Thị Kim T3, Dương Thị Ngọc H3** và **Trần Văn C4**, đều có đơn, được chính quyền địa phương xác nhận, thể hiện các bị cáo là lao động chính, phải nuôi dưỡng người thân phụ thuộc và hoàn cảnh rất khó khăn. Áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.3. Về hình phạt:

- Bị cáo **Từ Ái C5** trong thời gian tại ngoại lại bị bắt trong vụ án khác; các bị cáo **Thạch Thị Kim T3** và **Lưu Thị Thu V** được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên tòa; điều này thể hiện các bị cáo rất xem thường pháp luật; do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

- Các bị cáo còn lại đều phạm tội đồng phạm giản đơn, hành vi bộc phát nhất thời, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và số tiền tham gia đánh bạc không lớn. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo có tình tiết mới nêu trên; do đó, chấp nhận kháng cáo, phạt tiền cũng đủ răn đe giáo dục và thu ngân sách Nhà nước.

[4] Về việc xác định ngày bắt, tạm giữ, tạm giam, thi hành án:

Các bị cáo trong vụ án đều bị bắt quả tang vào ngày 05-8-2023; đến ngày 06-8-2023, bị cáo **Thạch Thị Kim H** được trả tự do, các bị cáo còn lại bị tạm giữ đến ngày 09-8-2023 được trả tự do. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày bị bắt, tạm giữ chưa chính xác nên điều chỉnh lại tại bản án phúc thẩm này.

Trong vụ án này, bị cáo **Từ Ái C5** bị bắt quả tang ngày 05-8-2023, tạm giữ từ ngày 06-8-2023 đến ngày 09-8-2023 được trả tự do. Trong thời gian tại ngoại chờ xét xử phúc thẩm, ngày **16-3-2024**, Từ **Ái C5** đầu thú, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an huyện X** tạm giữ, chuyển tạm giam trong vụ án khác (Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 43/QĐ-ĐCSHS ngày 04-3-2024; Quyết định khởi tố bị can số: 110/QĐ-ĐCSHS ngày 17-3-2024). Để thuận lợi cho công tác thi hành án hình sự, Hội đồng xét xử xác định ngày chấp hành án của bản án hình sự phúc thẩm này là ngày Từ Ái Chinh đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án mới (16-3-2024); do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền cần lưu ý khi tiến hành thủ tục thi hành án đối với **Từ Ái C5**.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các bị cáo **Từ Ái C5**, **Thạch Thị Kim T3** và **Lưu Thị Thu V** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo còn lại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Chấp nhận một phần quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 355; Điều 356 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Từ Ái C5**, **Lưu Thị Thu V** và **Thạch Thị Kim T3**.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Thạch Thị Kim H**, **Nguyễn Thị Ngọc M2**, **Trương Ngọc H4**, **Fóng Quay P2**, **Ngân Thanh T7**, **Võ Tấn T4**, **Dương Thị Ngọc H3** và **Trần Văn C4**;

Sửa một phần về hình phạt do khách quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 230/2023/HS-ST ngày 28-11-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

1. Tội danh và hình phạt:

*1.1. Các bị cáo **Từ Ái C5**, **Thạch Thị Kim T3** và **Lưu Thị Thu V**:*

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt tù các bị cáo sau đây về tội “Đánh bạc”:

1/ Xử phạt bị cáo **Từ Ái Chinh 01** (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16-3-2024, được trừ đi thời gian đã bị bắt quả tang, tạm giữ, từ ngày 05-8-2023 đến ngày 09-8-2023.

2/ Xử phạt bị cáo **Thạch Thị Kim T3** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ đi thời gian đã bị bắt quả tang, tạm giữ, từ ngày 05-8-2023 đến ngày 09-8-2023.

3/ Xử phạt bị cáo **Lưu Thị Thu V** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ đi thời gian đã bị bắt quả tang, tạm giữ, từ ngày 05-8-2023 đến ngày 09-8-2023.

*1.2. Các bị cáo **Thạch Thị Kim H**, **Nguyễn Thị Ngọc M2**, **Trương Ngọc H4**, **Fóng Quay P2**, **Ngân Thanh T7**, **Võ Tấn T4**, **Dương Thị Ngọc H3** và **Trần Văn C4**:*

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt tiền các bị cáo sau đây về tội “Đánh bạc”, sung vào công quỹ Nhà nước:

1/ Xử phạt bị cáo **Thạch Thị Kim H** phải nộp 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

2/ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc M2** phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

3/ Xử phạt bị cáo **Võ Tấn T4** phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

4/ Xử phạt bị cáo **N4** Thanh Toán phải nộp 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

5/ Xử phạt bị cáo **Dương Thị Ngọc H3** phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

6/ Xử phạt bị cáo **Trần Văn C4** phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

7/ Xử phạt bị cáo **Trương Ngọc H4** phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

8/ Xử phạt bị cáo **Fóng Q1** Phùng phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

- Các bị cáo **Từ Ái C5**, **Thạch Thị Kim T3** và **Lưu Thị Thu V**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo **Thạch Thị Kim H**, **Nguyễn Thị Ngọc M2**, **Trương Ngọc H4**, **Fóng Quay P2**, **Ngân Thanh T7**, **Võ Tấn T4**, **Dương Thị Ngọc H3** và **Trần Văn C4** không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (11);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Xuân Lộc;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Xuân Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự và Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành

